

Bản án số: 80 /2020/HS-ST

Ngày 26-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lô Dương Đạo và Bà Lô Thị Hương.

- **Thư K phiên tòa:** Ông Lô Quốc Ất- Thư K Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Thái Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 08 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 08 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: L V B; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 19 tháng 02 năm 1987, tại: huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản M, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông L V H và bà L Th T; Bị cáo có vợ: L Th T và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú (Nay có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: V V Th; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 19 tháng 10 năm 1986 tại: huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản M, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V V T (Đã chết) và bà L Th K; Bị cáo có vợ: L Th P và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú (Nay có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại:

+ Anh Nguyễn Viết Huynh, sinh năm 1989, Địa chỉ: Xóm 2, xã Xuân T, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Các anh: V V V: Sinh năm 1972; V V S: Sinh năm 1967; V Đ T: Sinh năm 2001; V V L; Sinh năm 2002; Đại diện theo uỷ quyền của anh P V T là ông P V T: sinh năm 1957; và các chị: M T K: sinh năm 1982; M T H sinh năm 1969: Đều có địa chỉ thường trú tại: Bản M, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa).

Các anh: P V A: Sinh năm 1994; P V T: Sinh năm 1970; P V D: Sinh năm 1996; Ông P V K: Sinh năm 1964 và các chị: Vi Thị T: Sinh năm 1987; L T B: Sinh năm 1976: Đều có địa chỉ thường trú tại: Bản M, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt tại phiên toà không có lý do).

Người bào chữa cho các bị cáo bà Hoàng Thị Hà- Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng sự sơ hở trong quản lý vật tư của công ty TNHH T Nam có trụ sở tại xã Xuân T, huyện Yên T, Nghệ An Vào các ngày từ 16 đến 24 tháng 4 năm 2020 L V B, V V Th cùng một số người khác nhiều lần lén lút trộm cắp xi măng của Công ty T Nam. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 16 tháng 4 năm 2020, L V B đến nhà V V Th thấy T đang xây bờ kè, B rủ T đến bãi tập kết xi măng của Công ty TNHH T Nam đang thi công công trình giao thông nông thôn ở Bản M, thị trấn Th G trộm xi măng, T đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày T gọi điện cho B hẹn thời gian địa điểm để cùng đi trộm. Sau đó T và B mỗi người điều khiển một xe máy cùng đến khu vực tập kết xi măng của Công ty Thành Nam mỗi người lấy 02 (Hai) bao xi măng bỏ lên hai xe máy chở về nhà T. T trả cho B 100.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2020 L V B gọi điện cho V V Th hỏi có tiếp tục đi trộm xi măng không, thì T đồng ý. Sau đó T đi xe máy biển kiểm soát 37D1 - 13875 ra đến cầu bản L. Tại đây T rủ thêm P V D cùng đi trộm xi măng, D đồng ý. Một lúc sau B điều khiển xe máy biển kiểm soát 37D1 - *****đến chỗ T và D đang chờ. Khi B đến thì có P V T cùng đến. Lúc này T nói với T, B, D về việc đã mượn được thuyền, khi nào trộm được xi măng thì tập kết ở bờ sông rồi dùng thuyền chở về nhà tất cả đều đồng ý. B, T, Th điều khiển ba xe máy đến chỗ tập kết xi măng của Công ty Thành Nam, D chèo chiếc thuyền mà T đã mượn được trước đó đến chờ ở bãi sông. T, B, D dùng xe máy lấy trộm 10 (Mười) bao xi măng chở xuống bến sông nơi D đang dùng thuyền đợi sẵn. Sau khi xếp số xi măng trộm được xuống thuyền T và D cùng chèo thuyền chở số xi măng về nhà T. T đưa cho B 400.000 đồng để B chia đều cho những người tham gia trộm cắp, B chia đều cho T, D mỗi người 130.000 đồng. Còn 10.000 đồng B mua một gói thuốc lá cả nhóm cùng hút.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2020 L V B đang đi chơi trong bản thì gặp chị L T B, qua trao đổi chị B nghĩ L V B có thể mua được xi măng giá rẻ nên đặt vấn đề nhờ B mua. B đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, B gặp T nói với T việc chị B nhờ mua xi măng. Sau đó B thống nhất với T về thời gian đi trộm xi măng bán lại cho chị B. Khoảng 22 giờ cùng ngày L V B rủ thêm Vy Văn L cùng đi trộm xi măng, L đồng ý. B, L ra đầu cầu Bản M chờ T. Một lúc sau V V Th đến và cùng với L, B đi trên ba chiếc xe máy đến địa điểm tập kết xi măng của Công ty Thành Nam trộm cắp 03 (Ba) bao xi măng về bán cho chị B. Bán cho chị B xong, cả ba tiếp tục quay lại trộm xi măng. Trên đường đi thì gặp thêm P V A, V Đ T đều trú cùng bản với T và B. Anh và T cùng xin nhóm của B đi

trộm xi măng bán lấy tiền tiêu xài thì được nhóm của B đồng ý. Cả năm người gồm L V B, V Đ T, P V A, P V T, V V Th cùng đi trên 5 chiếc xe máy đến khu vực tập kết xi măng mà các đối tượng đã trộm cắp trước đó trộm thêm 08 (Tám) bao rồi cùng chở về bán cho chị B. Cộng ba bao B, T, L đã bán cho chị B trước đó, cả nhóm bán cho chị B tổng cộng 11 bao, được trả số tiền 550.000 đồng. Mỗi người được chia 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng). Sau khi chia tiền V V Th nói cả nhóm tiếp tục đi lấy trộm xi măng về cho nhà T. Cả nhóm đồng ý và tiếp tục dùng xe máy trộm 10 (Mười) bao xi măng về nhà T. T trả cho bốn người 400.000 đồng. Chia đều mỗi người 100.000 đồng.

Chiều ngày 19 tháng 4 năm 2020, L V B đi chơi trong bản gặp bà M T K. B nói bà K về việc bán xi măng giá rẻ của công ty. Bà K nghĩ B có thể mua được xi măng giá rẻ đem bán nên đồng ý mua 9 bao. B đã thông tin lại cho T việc bà K muốn mua xi măng nên thống nhất với T bán lại cho bà K 9 (Chín) bao xi măng trong tổng số 10 bao xi măng mà T B đã trộm trước đó cho bà K. Bà K trả cho B và T 450.000 đồng. T trả tiền công cho B 150.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào chiều ngày 20 tháng 4 năm 2020, B gặp chị Vi Thị T trú cùng bản. Qua trao đổi được biết chị T muốn mua xi măng để về xây công trình ở nhà, chị T đặt vấn đề với B mua 6 bao xi măng với mức giá 200.000 đồng. Chị T đưa trước cho B 100.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày L V B gặp V V Th, P V D ở cầu bản L. B nói với T về việc chị Vi Thị T muốn mua 6 bao xi măng, chị T đã đưa trước cho B 100.000 đồng và bàn với T, D tiếp tục đi trộm xi măng về bán cho chị T. T và D đồng ý. Sau khi thống nhất thì V Đ T cũng có mặt và cùng tham gia. Cả bốn người đi trên ba xe máy đến địa điểm đã trộm xi măng những lần trước lấy trộm 5 bao xi măng rồi chở đến bán cho chị Vi Thị T. Chị T trả tiếp cho B, T 100.000 đồng. Cả bọn chia nhau tiêu xài.

Ngoài những lần đã tham gia trộm cắp xi măng với L V B thì V V Th và P V T còn tham gia trộm cắp độc lập hai lần khác. Cụ thể:

Khoảng 16 giờ ngày 21 tháng 4 năm 2020, V V Th đến nhà chị M T H sinh năm 1969 chơi, quá trình nói chuyện T biết chị H có nhu cầu mua xi măng nên đã đến địa điểm tập kết xi măng của Công ty Thành Nam trộm cắp hai bao xi măng về bán lại cho chị H lấy 100.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 24 tháng 4 năm 2020, P V T một mình đến bãi tập kết xi măng của Công ty T Nam trộm cắp 7 bao xi măng về xây chuồng lợn cho gia đình.

Tổng cộng số lượng bao xi măng của từng người đã trộm cắp như sau:

V V Th tham gia trộm cắp cùng đồng phạm 5 lần tổng cộng 42 bao xi măng. Trong đó T tham gia trộm cắp một mình một lần 02 bao xi măng.

Trong 40 bao còn lại căn cứ số lần tham gia và ăn chia, L V B chịu trách nhiệm 40 bao; V Đ T chịu trách nhiệm 26 bao; Vy Văn L chịu trách nhiệm 21 bao; P V A chịu trách nhiệm 21 bao; P V D chịu trách nhiệm 15 bao; P V T chịu trách nhiệm 17 bao.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện Tương Dương số 56 ngày 15 tháng 5 năm 2020, kết luận:

42 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của V V Th trộm cắp có trị giá 2.940.000 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

40 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của L V B tham gia trộm cắp có trị giá 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

26 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của V Đ T tham gia trộm cắp có trị giá 1.820.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi triệu đồng).

21 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của Vy Văn L tham gia trộm cắp có trị giá 1.470.000 đồng (Một triệu bốn trăm B mươi nghìn đồng).

21 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của P V A tham gia trộm cắp có trị giá 1.470.000 đồng (Một triệu bốn trăm B mươi nghìn đồng).

15 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của P V D tham gia trộm cắp có trị giá 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

17 bao xi măng nhãn hiệu Sông Lam của P V T tham gia trộm cắp có trị giá 1.190.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng). (B1 số 30).

Bản cáo trạng số 84/CT-VKSTD ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đã truy tố V V Th, L V B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện theo uỷ quyền của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Trong giai đoạn điều tra ông P V K, chị Vi Thị T, L T B không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên toà các bị cáo, đại diện theo uỷ quyền của anh P V T, các anh P V T, V V V, V V S đề nghị Hội đồng xét xử trả lại những chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu tương ứng vì đó là tài sản chung của vợ chồng các bị cáo và tài sản riêng của họ. Chị M T K yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả 450.000đ, các bị cáo đồng ý. Chị M T H không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Bộ luật hình sự đối với các bị cáo để xử phạt:

V V Th từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 14 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

L V B từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 14 tháng về tội Trộm cắp tài sản;

Miễn hình phạt bổ sung và án phí cho các bị cáo, sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại dùng vào việc phạm tội, chấp nhận đề nghị của các bị cáo, đại diện bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công An huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo V V Th, L V B đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào các ngày từ 16 đến 24 tháng 4 năm 2020 tại Bản M, thị trấn Th G, huyện Tương Dương, Nghệ An, L V B, V V Th đã nhiều lần lén lút liên tục về mặt thời gian chiếm đoạt tài sản của công ty TNHH Thành Nam có trị giá tương ứng V V Th chiếm đoạt 2.940.000đ, L V B chiếm đoạt 2.800.000đ. Hành vi các bị cáo đã thực hiện và định lượng tài sản bị chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu T tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vậy nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý thực hiện tội phạm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đây là một vụ án có nhiều bị cáo tham gia nên cần phân hoá vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt sát đúng.

L V B là người khởi xướng và rủ rê bị cáo còn lại phạm tội nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. V V Th mặc dù bị cáo có vai trò thứ yếu nhưng thực hiện hành vi phạm tội tích cực chiếm đoạt tài sản có trị giá nhiều hơn bị cáo B chiếm đoạt do vậy cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo T ngang bằng với mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo B.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình: Các bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thái độ khai báo của các bị cáo là T khẩn, ăn năn hối cải, lần phạm tội này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần chấp nhận áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo lời đề nghị của kiểm sát viên đối với hai bị cáo. Kết quả xác minh cho thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này tại địa phương đều chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước xét thấy chưa cần T phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tại địa phương như lời đề nghị của kiểm sát viên và các bị cáo cũng đủ sức răn đe nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] **Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thoả thuận của các bị cáo và chị K theo đó các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị M T K số tiền 450.000đ nhưng**

phải chia theo kỷ phần. Đại diện bị hại, ông P V K; các chị Vi Thị T, M T H, L T B không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung nhưng xét thấy tài sản của các bị cáo chỉ đủ duy trì cuộc sống T yếu hàng ngày, không có tài sản nào tạo lập từ việc phạm tội bởi vậy cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Biện pháp tư pháp: Cần truy thu số tiền do phạm tội mà có từ các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với các bị cáo bị đưa ra xét xử còn có P V A, P V T, V Đ T, V V L, P V D nhưng định lượng tài sản do những người này chiếm đoạt chưa đủ yếu tố cấu T tội phạm nên đã bị Trưởng công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

[10] Xử lý vật chứng: Sáu chiếc xe mô tô cơ quan điều tra thu giữ là vật chứng của vụ án, trong đó hai chiếc xe mô tô thu giữ của các bị cáo là tài sản chung do vợ chồng các bị cáo tạo lập trong thời kỳ hôn nhân việc các bị cáo sử dụng tài sản chung để phạm tội đồng sở hữu không biết, bốn chiếc xe mô tô còn lại có đăng K quyền sở hữu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho nên cần trả lại những chiếc xe máy nói trên cho chủ sở hữu tương ứng. Hai chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần sung quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn bởi vậy cần chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho các bị cáo. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố các bị cáo V V Th, L V B phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo V V Th, L V B.

- Xử phạt: V V Th 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: L V B 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo V V Th, L V B cho UBND thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo L V B, V V Th phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị M T K tổng số tiền 450.000đ, chia kỹ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu từ bị cáo V V Th 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng) và L V B 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại 06 (Sáu) chiếc mô tô cho những người sau:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 163.** trả cho bị cáo L V B.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 183.** trả cho bị cáo V V Th.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 077.** trả cho anh P V T.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 097.** trả cho anh P V T.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 155.** trả cho anh V V V.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 37D1- 008.** trả cho anh V V S.

Sung quỹ Nhà nước hai chiếc điện thoại hiệu NOKIA thu giữ của các bị cáo L V B và V V Th.

(Những tài sản nói trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Đặc điểm và tình trạng như trong biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật tương ứng với từng loại).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo L V B và V V Th.

Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 26/08/2020. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKSND h. Tương Dương;
- Công an h. Tương Dương;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa;
- UBND thị trấn Th G;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS h. Tương Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Lam

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 15 phút, ngày 26 tháng 8 năm 2020.

Tại: Phòng nghị án – Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lô Dương Đạo và Bà Lô Thị Hường.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 08 năm 2020 đối với các bị cáo:

1, Bị cáo V V Th, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1986 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

2, Bị cáo L V B, sinh ngày 19 tháng 2 năm 1987 tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 299, 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung;

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập bảo đảm tính pháp lý, đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không cung cấp thêm chứng cứ mới và có lời khai trung thực, không gian dối.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Các bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử có quyết định như sau:

- Tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Tuyên bố các bị cáo V V Th, L V B phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo V V Th, L V B.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Hình phạt:

+ Xử phạt: **V V Th 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

+ Xử phạt: **L V B 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

Giao các bị cáo V V Th, L V B cho UBND thị trấn Th G, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Các vấn đề khác :

Trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo L V B, V V Th phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị M T K tổng số tiền 450.000đ, chia kỹ phần mỗi bị cáo phải bồi thường 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: Truy thu từ bị cáo V V Th 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng) và L V B 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) là số tiền do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

Xử lý vật chứng: **Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.**

Trả lại 06 (Sáu) chiếc mô tô cho những người sau:

- **Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 163.54 trả cho bị cáo L V B.**

- **Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 183.75 trả cho bị cáo V V Th.**

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 077.30 trả cho anh P V T.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 097.08 trả cho anh P V T.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 37D1- 155.81 trả cho anh V V V.

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM biển kiểm soát 37D1- 008.41 trả cho anh V V S.

Sung quỹ Nhà nước hai chiếc điện thoại hiệu NOKIA thu giữ của các bị cáo L V B và V V Th.

(Những tài sản nói trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Đặc điểm và tình trạng như trong biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật tương ứng với từng loại).

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo **L V B và V V Th**.

Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 26/08/2020. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Kết quả biểu quyết: 3/3

7. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T viên hội đồng xét xử cùng nghe và K tên.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lô Dương Đạo

Lô Thị Hương

Trần Văn Lam

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 26 tháng 08 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các T viên hội đồng xét xử cùng nghe và K tên.

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lô Dương Đạo Lô Thị Hương

Trần Văn Lam